TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẮK** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 9 - 2022
V/v yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẮK, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Dũng;
2. Ông Nguyễn Văn Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bách - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Thạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022 tại hội trường Tòa án nhân dân huyện Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2022 về "*Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2022/QĐST- HNGĐ ngày 23 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trịnh Kim M, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Buôn L, xã K, huyện L, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Lê Văn T, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Buôn L, xã K, huyện L, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/6/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trịnh Kim M trình bày:

Bà Trịnh Kim M chung sống với ông Lê Văn T từ năm 1993 trên cơ sở tự nguyện, nhưng không đăng ký kết hôn. Ông bà chung sống hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách không hợp nhau, ông T hay đánh đập, chửi bới bà, trong cuộc sống vợ chồng không có tiếng nói chung. Nay bà thấy không còn tình cảm với ông T nên yêu cầu Tòa án

nhân dân huyện Lắk giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà M với ông T.

Về con chung: Trong thời gian chung sống bà M và ông T có 03 con chung là Lê Thị Yên, sinh năm 1997; Lê Thị Thanh Nhàn, sinh năm 1998 và Lê Thanh Nhã, sinh ngày 09/4/2004. Hiện nay các con đều đã thành niên, phát triển bình thường và có khả năng lao động để tự nuôi mình, nên vấn đề chăm sóc, nuôi dưỡng và cấp dưỡng bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: Bà M và ông T tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 22/6/2022 và quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Lê Văn T trình bày:

Ông Lê Văn T chung sống với bà Trịnh Kim M từ năm 1993 trên cơ sở tự nguyện, nhưng không đăng ký kết hôn, ông, bà chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách không hợp nhau, trong cuộc sống vợ chồng không có tiếng nói chung, nay bà M yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng với ông thì ông đồng ý.

Về con chung: Trong thời gian chung sống ông T và bà M có 03 con chung là Lê Thị Y, sinh năm 1997; Lê Thị Thanh N, sinh năm 1998 và Lê Thanh Nh, sinh ngày 09/4/2004.

Hiện nay các con đều đã thành niên, phát triển bình thường và có khả năng lao động để tự nuôi mình, nên vấn đề chăm sóc, nuôi dưỡng và cấp dưỡng ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: Ông T và bà M tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và về việc giải quyết vụ án:

Về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách tham gia tố tụng của đương sự, thông báo về việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử và tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho đương sự đúng quy định của pháp luật.

Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Bà Trịnh Kim M và ông Lê Văn T chung sống với nhau từ năm 1993, nhưng không đăng ký kết hôn, nay bà M yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà M với ông T, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Kim M.

Về con chung: Các con chung của bà M và ông T đều đã thành niên, phát triển bình thường và có khả năng lao động để tự nuôi mình nên vấn đề chăm sóc, nuôi dưỡng không xem xét giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: Bà M và ông T tự thoả thuận phân chia, không yêu cầu Toà án giải quyết. Nên về tài sản và nợ chung không xem xét giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Trịnh Kim M khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông Lê Văn T. Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là "Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng" quy định tại khoản 8 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại xã K, huyện L, tỉnh Đắk Lắk, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Lắk thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về yêu cầu của đương sự: Bà Trịnh Kim M và ông Lê Văn T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993, nhưng không đăng ký kết hôn nên không được pháp luật công nhận là quan hệ hôn nhân hợp pháp, quá trình chung sống giữa bà M và ông T phát sinh mâu thuẫn, bà M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông T. Qua xác minh tại Buôn L, xã Khuyện Lắk, nơi bà M và ông T cư trú, thể hiện giữa bà M, ông T đã xảy ra mâu thuẫn từ lâu, ông T đánh đập bà M nhiều lần, nên giữa ông T, bà M luôn căng thẳng.

Do bà M và ông T không đăng ký kết hôn, nên căn cứ vào Điều 14, Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà M và ông T.

Về con chung: Bà M và ông T có 03 con chung là Lê Thị Y, sinh năm 1997; Lê Thị Thanh N, sinh năm 1998 và Lê Thanh Nh, sinh ngày 09/4/2004. Các con chung của bà M và ông T đều đã thành niên, phát triển bình thường và có khả năng lao động để tự nuôi mình, nên vấn đề chăm sóc, nuôi dưỡng Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: Bà M và ông T tự thoả thuận phân chia, không yêu cầu Toà án giải quyết, nên về tài sản và nợ chung của bà M và ông T Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14, Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Kim M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trịnh Kim M và ông Lê Văn T.

2. Về án phí: Bà Trịnh Kim M phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà M đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lắk theo biên lai thu tạm ứng án phí số: 60AA/2021/0001681 ngày 14/6/2022.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Văn Ngọc

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Đắk Lắk;
-VKSND huyện Lắk;
-CCTHADS huyện Lắk;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án;
-Lưu văn phòng.